TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 687/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/6/2019.
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Huỳnh Văn Bé.
2/ Bà Phạm Thị Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lụa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có Bà Nguyễn Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thanh H, sinh năm 1990; (có mặt)
Địa chỉ: Số 587 đường Lê Minh N, Tổ 14, ấp M 2, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1988; (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp M 2, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung xin ly hôn ngày 01/10/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thanh H trình bày: Bà với ông Nguyễn Thanh N chung sống như vợ chồng từ tháng 8/2007 tại ấp M 2, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống bà với ông N có một người con chung tên Võ Ngọc T, do lúc đó chưa đăng ký kết hôn nên trong khai sinh con không có tên cha. Đến ngày 27/11/2012, bà với ông N mới đi đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, ông N không có nghề nghiệp ổn định, không lo làm ăn để phụ giúp gia đình. Ông N thường xuyên gây sự, chửi bới và đánh đập bà. Đến khoảng giữa năm 2014, ông N có quan hệ ngoài luồng với một người phụ nữ khác, từ đó ông N thường xuyên bỏ nhà đi với người tình, đến đầu năm 2015 ông N ngang nhiên dẫn người tình về căn nhà mà hai vợ chồng đang sinh sống, bà và gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng ông N không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Ngọc T, sinh ngày: 09/02/2008, do hiện nay ông N đang chấp hành án tù ở Trại giam Thủ Đức nên bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính); Bản sao giấy khai sinh, sổ thăm phạm nhân (photo); Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu (sao y).

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2019, bị đơn ông Nguyễn Thanh N trình bày: Ông và bà H tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ trước, đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn. Ông đồng ý ly hôn với bà H, ông và bà H có 01 người con chung tên Võ Ngọc T, sinh ngày: 09/02/2008.

Tại phiên Tòa, Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu ý kiến:

Về Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm thời hạn giao hồ sơ cho Viện kiểm sát.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nguyên đơn được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn là không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh N đã có lời khai rõ ràng vào ngày 20/5/2019 và có đơn từ chối tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử vẫn xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thanh H và ông Nguyễn Thanh N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 183, quyển số 01/2012 ngày 27/11/2012 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà H xin ly hôn với ông N nguyên nhân mâu thuẫn do ông N không lo làm ăn, không lo cho vợ con, chơi ma túy đá, có người phụ nữ khác bên ngoài, sau đó thậm chí dẫn về nhà chung và ông N cũng đồng ý ly hôn với bà H. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng bà H yêu cầu được ly hôn với ông N và

ông N cũng đồng ý ly hôn với bà H theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Ông N và bà H cùng xác định có 01 con chung tên Võ Ngọc T, sinh ngày: 09/02/2008. Xét yêu cầu của bà H là được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung; ý chí của trẻ T là muốn sống với mẹ (bà H) nếu cha mẹ ly hôn; hoàn cảnh thực tế là ông N đang chấp hành án tù tại Trại giam Thủ Đức nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H; giao trẻ Võ Ngọc T, sinh ngày: 09/02/2008 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là có cơ sở nên chấp nhận. Do hồ sơ nhiều và thiếu Thư ký nên vi phạm thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, Tòa án nghiêm chỉnh tiếp thu và sẽ khắc phục trong thời gian tới.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thanh H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N.

Giấy chứng nhận kết hôn số số 183, quyển số 01/2012 ngày 27/11/2012 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà H và ông N không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Ngọc T, sinh ngày: 09/02/2008. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng, nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng, nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông N.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) buộc bà Võ Thanh H phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0033873 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hùng Vương